

Bản án số: 25/2021/HNGĐ- ST.

Ngày: 11/6/2021.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Hòa;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 11/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST - HNGĐ, ngày 05 /11/2020, về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX - ST ngày 04/5/2021, theo quyết định đưa hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Ph - Sinh năm: 1984. " Có mặt"

Nơi ĐKKHKT: Bản H C, xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở: Bản Bánh 2, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn H - Sinh năm: 1980. "Vắng mặt"

Trú tại: Bản H C, xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/11/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B(nguyên đơn) chị Lò Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Hương lấy nhau và có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chúng tôi sống với nhau không được hòa thuận, hạnh phúc cho đến nay. Chồng tôi hay hành hạ và ép buộc tôi trong chuyện tình cảm vợ chồng, dùng vũ lực dọa nạt tôi cho tới nay, tôi không thể chịu đựng được, chúng tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hương.

Về con chung: Chị Phòng khai vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Quàng Thanh Lan, sinh ngày 27/11/2007 và cháu Quàng Yên Chi, sinh ngày 27/11/2011. Chị Phòng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Lan, không yêu cầu anh Hương phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Lan cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, đất ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Quàng Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Phòng lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2007 tại UBND xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến nay không xảy ra mâu thuẫn gì. Việc cô Phòng nói tôi thường xuyên dùng bạo lực và ép buộc tình cảm là không đúng. Cuối năm 2019 tôi phát hiện ra Phòng thường xuyên nói chuyện điện thoại với người đàn ông lạ, tôi đã nhắc nhở và khuyên Phòng không nên làm như vậy tránh sứt tình cảm vợ chồng. Cuối tháng 6 năm 2020 Phòng dẫn theo con gái Yên Chi nói là đi thăm bà ngoại và cho đến nay không về nhà nữa. Ngày 18/10/2020 tôi đã bắt được Phòng đang ở nhà người đàn ông tên là Tòng Văn Khin ở bản Noong Luống, xã Noong Luống và tôi đưa Phòng về nhà cùng sự chứng kiến của họ hàng và trưởng bản. Tôi mong Tòa án xem xét, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Hương công nhận vợ chồng có 02 con chung: Cháu Quàng Thanh Lan, sinh ngày 27/11/2007 và cháu Quàng Yên Chi, sinh ngày 27/11/2011. Anh Hương có nguyện vọng sẽ nuôi cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Phòng, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phòng xin ly hôn với anh Hương, anh Hương có hộ khẩu thường trú tại xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Phòng và anh Hương lấy nhau năm 2007, đến năm 2020 thì chị Phòng khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phòng và anh Hương lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đã xảy ra mâu thuẫn. Chị Phòng thấy hiện nay tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Phòng xin ly hôn là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của anh Hương không đồng ý ly hôn, anh Hương cho rằng nguyên nhân dẫn đến tình cảm hai vợ chồng bị rạn nứt là do chị Phòng ngoại tình, nhưng anh Hương không có chứng cứ cụ thể, nên không đủ cơ sở cho ý kiến của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu của anh Hương.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, anh Hương đề nghị được nuôi cả 02 con chung, chị Phòng có nguyện vọng được nuôi 01 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu Lan sinh năm 2007 cháu có thể tự quyết định ở với bố hay ở với mẹ được, còn cháu Yến Chi sinh năm 2011 cũng đã đủ 7 tuổi nên cháu đủ điều kiện để tự mình quyết định ở với bố hay ở với mẹ.

Qua quá trình giải quyết thì anh Hương và chị Phòng ai cũng là lao động bình thường, ai cũng đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Nhưng quá trình hòa giải thì chị Phòng có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc cháu lớn là Quàng Thanh Lan, sinh 2007 và đồng ý cho anh Hương được trực tiếp nuôi cháu bé là Quàng Yến Chi, sinh ngày 2011 và trong bản tự khai hai cháu cũng đã có ý kiến.

Để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ em. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật HN&GD nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Phòng, giao cháu Quàng Thanh Lan cho chị Phòng trực tiếp chăm sóc, giáo dục; giao cháu Quàng Yến Chi cho anh Hương trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Phòng trực tiếp nuôi 01 cháu và anh Hương trực tiếp nuôi 01 cháu là phù hợp chị Phòng và anh Hương không ai phải dưỡng nuôi con chung là có lý, có tình.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị Phòng và anh Hương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Chị Phòng và anh Hương đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phòng phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Phòng đã nộp

300.000đ theo biên lai số: AA/2020/0000804 ngày 05/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B. Chi Phòng đã nộp đủ án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS.

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1- Tuyên xử: Lò Thị Ph được ly hôn với anh Quàng Văn H.

2- Về con chung: Giao con chung là Quàng Thanh Lan, sinh ngày 27/11/2007 cho chị Phòng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Quàng Yến Chi, sinh ngày 27/11/2011 cho anh Hương trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Hương và chị Phòng không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản:

3.1. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không xem xét giải quyết.

3.2. Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chi Phòng phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chi Phòng đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2020/0000804 ngày 05/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chi Phòng đã nộp đủ án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã T A;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lê Quang Hòa

Lường Văn Lương

Nguyễn Thị Tâm